TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2019
V/v: tranh chấp ly hôn .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xứt xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Tùng

1. Ông Lưu Danh Sử

2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Đinh Trần Thanh Xuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 10/6/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2019/TLST- HNGĐ ngày 14/3/2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn" .Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐ-HNGĐ ngày 24/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Tạ Thị D, sinh năm 1995

- Bị đơn: anh Đỗ Văn P, sinh năm 1991

Cùng trú tại: Thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị Tạ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đỗ Văn P kết hôn với nhau và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện N, tình Ninh Bình vào ngày 17/9/2013 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống tại thôn X, xã Q cùng gia đình anh P. Hai vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị và anh P không hòa hợp dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Năm 2018 chị về bên nhà bố mẹ chị sinh sống, chị và anh P chính thức ly thân từ đó đến nay. Chị xác định mâu thuẫn

giữa chị và anh P trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh P để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định chị và anh P không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ngày 14/3/2019 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc "Tranh chấp ly hôn" theo đơn khởi kiện của chị Tạ Thị D. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Đối với anh Đỗ Văn Phúc mặc dù đã biết việc Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý giải quyết vụ án chị D xin ly hôn với anh, nhưng anh P vẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều này được thể hiện bằng các phiếu báo phát anh P và gia đình anh P ký xác nhận. Theo biên bản xác minh của Tòa án với Ủy ban nhân dân xã Q thì hiện nay anh P vẫn có hộ khẩu và đang sinh sống tại Thôn X xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị và anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau. Việc chị D và anh P ly thân từ năm 2018 cho đến nay chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D với anh P là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Về con chung: chị D xác định chị và anh P không có con chung, nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị D. Xử ly hôn giữa chị Tạ Thị D và anh Đỗ Văn P.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tạ Thị D phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000070 ngày 14/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyền kháng cáo: Chị D và anh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã Q;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Phạm Thanh Tùng